CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính 03 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 23

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
Địa chỉ: 31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam ("Công ty") (Tên cũ: Công ty TNHH Du lịch Thanh niên Việt Nam) là công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Trung tâm Thương mại và Du lịch Thanh niên Việt Nam theo Quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước số 04/QĐ-UB ngày 08 tháng 5 năm 1993 và các quyết định đổi tên của Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên:

- Quyết định số 822 QĐ/TƯĐTN ngày 23 tháng 6 năm 2000: đổi tên thành Công ty Du lịch Thanh niên Việt Nam.
- Quyết định số 01 QĐ/TƯĐTN ngày 17 tháng 12 năm 2002 đổi tên thành Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh niên Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0301442026 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

Địa chỉ:	31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84.28) 8342 380
Fax:	(84.28) 8342 382
Website:	www.vnfestivaltours.com

Vốn điều lệ	20.502.632.959 đồng (Hai mươi tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi chín đồng)
Chủ sở hữu	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Các chi nhánh, cửa hàng

Tên chi nhánh, cửa hàng	Địa điểm kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh niên Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ Lữ hành Thanh niên Việt Nam	31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	Số 0301442026 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2009.
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh niên Việt Nam – Khách sạn Festival	31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	Số 4114025139 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2006.

Thông tin chung (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ du lịch: nhà hàng;
- Dịch vụ du lịch: khách sạn;
- Dịch vụ du lịch: hướng dẫn vận chuyển khách du lịch, tổ chức vui chơi giải trí, thị thực nhập cảnh và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch;
- Vận chuyển hành khách bằng xe taxi;
- Sửa chữa bảo trì xe ô tô;
- Mua bán thiết bị, phụ tùng ô tô;
- Đào tạo dạy nghề;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; và
- Đại lý bán vé máy bay.

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Chủ tịch kiêm Giám đốc	01/10/2013	
Bà Phạm Thị Thùy Duyên	Phó Giám đốc	15/12/2011	20/10/2018
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Phó Giám đốc	01/02/2019	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông ông Nguyễn Tấn Hòa (theo Quyết định số 388-QĐ/TWĐTN-BTC ngày 28/9/2018 của Ban chấp hành Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ của cán bộ).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và tình hình tài chính cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TẤN HÒA
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Accountants & business advisers

Số: 156/2019/BCKT-HCM.01061

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 5 năm 2019, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

BÙI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019

NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2019-009-1

Ho Chi Minh City Head Office • Tel: +84 28 222 00237 • Fax: +84 28 222 00265 • Email:pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn
2/F Indochina Park Tower • No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street • Dakao Ward • District 1 • Ho Chi Minh City • Vietnam • Website: www.pkf.afcvietnam.vn

PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member or correspondent firm or firms.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**9.426.513.964**	**9.129.231.539**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**1.262.986.265**	**3.050.764.564**
Tiền	111		1.262.986.265	3.050.764.564
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**7.853.405.605**	**5.723.177.492**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	971.323.500	406.236.275
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.963.743.595	1.504.022.557
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	3.918.338.510	3.812.918.660
Hàng tồn kho	**140**		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**310.122.094**	**355.289.483**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	310.122.094	355.289.483
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**32.086.399.996**	**32.211.133.322**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**20.000.000**	**20.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	20.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	**220**		**1.066.399.996**	**1.191.133.322**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.066.399.996	1.191.133.322
Nguyên giá	222		8.414.698.685	8.414.698.685
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.348.298.689)	(7.223.565.363)
Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.7	**31.000.000.000**	**31.000.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**41.512.913.960**	**41.340.364.861**

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**32.320.993.748**	**30.513.046.683**
Nợ ngắn hạn	**310**		**27.215.993.748**	**26.428.046.683**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	960.761.719	776.847.141
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	3.207.563.069	1.348.124.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.657.775.025	2.920.630.241
Phải trả người lao động	314	5.11	29.026.148	520.976.072
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	761.891.524	673.311.308
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	576.530.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13.1	14.168.976.263	14.311.627.012
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14.1	5.430.000.000	5.300.000.000
Nợ dài hạn	**330**		**5.105.000.000**	**4.085.000.000**
Phải trả dài hạn khác	337	5.13.2	1.155.000.000	135.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14.2	3.950.000.000	3.950.000.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**9.191.920.212**	**10.827.318.178**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.15	**9.191.920.212**	**10.827.318.178**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.475.128.894	20.475.128.894
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.283.208.682)	(9.647.810.716)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(9.647.810.716)*	*(8.277.577.246)*
LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*(1.635.397.966)*	*(1.370.233.470)*
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**41.512.913.960**	**41.340.364.861**

ĐOÀN THỊ HIẾU NHI	VÕ TƯỜNG PHÚC	NGUYỄN TẤN HÒA
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 03 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	6.1	**13.133.625.630**	**23.454.031.400**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	85.223.179
Doanh thu thuần	**10**		**13.133.625.630**	**23.368.808.221**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	**12.261.803.102**	**21.211.735.063**
Lợi nhuận gộp	**20**		**871.822.528**	**2.157.073.158**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.721.818	1.834.656
Chi phí tài chính	22	6.4	89.986.417	87.495.992
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*89.986.417*	*87.495.992*
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.397.417.761	2.270.286.236
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(1.613.859.832)**	**(198.874.414)**
Thu nhập khác	31	6.6	3.358.550	19.790.000
Chi phí khác	32	6.7	24.896.684	-
Lợi nhuận khác	**40**		**(21.538.134)**	**19.790.000**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(1.635.397.966)**	**(179.084.414)**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.10	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(1.635.397.966)**	**(179.084.414)**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM

ĐOÀN THỊ HIẾU NHI	**VÕ TƯỜNG PHÚC**	**NGUYỄN TẤN HÒA**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 03 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019

	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(1.635.397.966)**	**(179.084.414)**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	124.733.326	128.900.013
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.721.818)	(1.834.656)
Chi phí lãi vay	06	89.986.417	87.495.992
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	***(1.422.400.041)***	***35.476.935***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.188.931.994	(4.084.383.279)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.641.213.042)	1.853.359.869
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	45.167.389	(68.751.144)
Tiền lãi vay đã trả	14	(89.986.417)	(87.495.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(1.919.500.117)**	**(2.351.793.611)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.721.818	1.834.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**1.721.818**	**1.834.656**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.344.716.462	4.385.050.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.214.716.462)	(1.462.948.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**130.000.000**	**2.922.102.000**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**(1.787.778.299)**	**572.143.045**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**60**	3.050.764.564	1.277.598.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	**1.262.986.265**	**1.849.741.638**

ĐOÀN THỊ HIẾU NHI	VÕ TƯỜNG PHÚC	NGUYỄN TẤN HÒA
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thanh niên Việt Nam ("Công ty") (Tên cũ: Công ty TNHH Du lịch Thanh niên Việt Nam) là công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Trung tâm Thương mại và Du lịch Thanh niên Việt Nam theo Quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước số 04/QĐ-UB ngày 08 tháng 5 năm 1993.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 4104000056 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 08 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: nhà hàng, khách sạn, dịch vụ lữ hành.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ du lịch: nhà hàng;
- Dịch vụ du lịch: khách sạn;
- Dịch vụ du lịch: hướng dẫn vận chuyển khách du lịch, tổ chức vui chơi giải trí, thị thực nhập cảnh và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch;
- Vận chuyển hành khách bằng xe taxi;
- Sửa chữa bảo trì xe ô tô;
- Mua bán thiết bị, phụ tùng ô tô;
- Đào tạo dạy nghề;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; và
- Đại lý bán vé máy bay.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 41 người.

1.7 Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD (VND)	Số cổ phần công ty nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty cổ phần Khách sạn Du lịch thanh niên Vũng Tàu	Số 35018422299 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/07/2017	70.000.000.000	2.100.000 cổ phần	30,00

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD (VND)	Số cổ phần công ty nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty cổ phần Nova Festival	Số 0312705566 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2016	184.000.000.000	1.000.000 cổ phần	5,43

1.8 Các chi nhánh, cửa hàng

Tên chi nhánh, cửa hàng	Địa điểm kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh niên Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ Lữ hành Thanh niên Việt Nam	31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Số 0301442026 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2009.
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Du lịch Thanh niên Việt Nam – Khách sạn Festival	31 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Số 4114025139 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2006.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Phương tiện vận tải	05 – 15
Dụng cụ quản lý	05 – 08

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	**Quan hệ**
Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Chủ sở hữu
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2019 VND	**01/01/2019** VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	230.618.221	1.122.067.634
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.028.125.199	1.873.652.903
Tiền gửi ngân hàng - USD	4.242.845	55.044.027
	1.262.986.265	**3.050.764.564**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 210,40 USD tương đương 4.242.845 VND.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2019 VND	**01/01/2019** VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác		
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai – Ichi Việt Nam	823.293.500	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả	148.030.000	-
Khách hàng khác	-	406.236.275
	971.323.500	**406.236.275**

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán khác		
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – Công ty cổ phần	805.057.250	67.227.000
Công ty cổ phần Hàng Không VietJet	381.570.674	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Du lịch Quốc tế Nụ Cười Vàng	283.012.500	-
Các nhà cung cấp khác	1.494.103.171	1.436.795.557
	2.963.743.595	**1.504.022.557**

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng cho nhân viên	39.000.000	-	46.000.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	160.000.000	-	140.000.000	-
Công ty cổ phần Khách sạn Du lịch Thanh niên Vũng Tàu – chi hộ	1.696.753.125	-	1.696.753.125	-
Phải thu khác	2.021.841.811	-	1.929.421.961	-
Các khoản nộp thừa	743.574	-	743.574	-
	3.918.338.510	**-**	**3.812.918.660**	**-**

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu dài hạn khác				
Chi Nhánh Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	20.000.000	-	20.000.000	-
	20.000.000	**-**	**20.000.000**	**-**

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ dụng cụ	310.122.094	355.289.483
	310.122.094	**355.289.483**

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2019	7.378.854.285	253.398.547	535.686.004	246.759.849	8.414.698.685
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2019	**7.378.854.285**	**253.398.547**	**535.686.004**	**246.759.849**	**8.414.698.685**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2019	6.196.054.289	253.398.547	527.352.678	246.759.849	7.223.565.363
Khấu hao trong năm	116.400.000	-	8.333.326	-	124.733.326
Thanh lý	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2019	**6.312.454.289**	**253.398.547**	**535.686.004**	**246.759.849**	**7.348.298.689**
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2019	1.182.799.996	-	8.333.326	-	1.191.133.322
Vào ngày 31/03/2019	**1.066.399.996**	-	-	-	**1.066.399.996**
Giá trị còn lại của TSCĐ thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng					
Tại ngày 01/01/2019	-	-	**8.333.326**	-	**8.333.326**
Tại ngày 31/03/2019	-	-	-	-	-
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng					
Tại ngày 01/01/2019	678.854.285	253.398.547	435.686.004	246.759.849	1.614.698.685
Tại ngày 31/03/2019	**678.854.285**	**253.398.547**	**535.686.004**	**246.759.849**	**1.714.698.685**

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết						
Công ty cổ phần Khách sạn du lịch thanh niên Vũng Tàu	21.000.000.000	-	(*)	21.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Nova Festival	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	31.000.000.000	-		**31.000.000.000**	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên công ty con	GCN đăng ký doanh nghiệp	Cơ quan cấp giấy phép	Vốn điều lệ VND	Vốn điều lệ Công ty đang góp	Tỷ lệ góp vốn
Công ty cổ phần Khách sạn du lịch thanh niên Vũng Tàu	Số 35018422299 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/07/2017	Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000.000	2.100.000 cổ phần	30,00%

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty khác:

Tên công ty con	GCN đăng ký doanh nghiệp	Cơ quan cấp giấy phép	Vốn điều lệ VND	Vốn điều lệ Công ty đang góp	Tỷ lệ góp vốn
Công ty cổ phần Nova Festival	Số 0312705566 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2016	Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	184.000.000.000	1.000.000 cổ phần	5,43%

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán khác				
Lê Hoàng Trường Chinh	97.395.750	97.395.750	-	-
Các nhà cung cấp khác	863.365.969	863.365.969	776.847.141	776.847.141
	960.761.719	**960.761.719**	**776.847.141**	**776.847.141**

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác		
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN Chợ Lớn	395.088.000	-
Công ty TNHH CNI Việt nam	1.000.000.000	500.000.000
Công ty Thép Sài Gòn	715.750.000	-
Khách hàng khác	1.096.725.069	848.124.000
	3.207.563.069	**1.348.124.000**

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019 Phải nộp	Số phát sinh trong năm Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	31/03/2019 Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	1.747.823.421	87.908.671	(343.557.028)	1.492.175.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.766.695	-	-	493.766.695
Thuế thu nhập cá nhân	17.481.358	13.905.058	(21.111.917)	10.274.499
Thuế đất	39.721.581	-	-	39.721.581
Các loại thuế khác	621.837.186	5.000.000	(5.000.000)	621.837.186
Cộng	**2.920.630.241**	**106.813.729**	**(369.668.945)**	**2.657.775.025**

Thuế giá trị gia tăng

- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước 10%
- Đối với kinh doanh dịch vụ nước ngoài Không chịu thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TDND")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán	(1.635.397.966)	(179.084.414)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được khấu trừ	*24.287.884*	-
Thu nhập tính thuế TNDN	**(1.611.110.082)**	**(179.084.414)**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Các khoản thuế khác

Nộp theo quy định hiện hành.

5.11 Phải trả người lao động

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lương, thưởng	29.026.148	520.976.072
	29.026.148	**520.976.072**

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí điện thoại, in ấn	-	9.601.602
Chi phí thuê nhà	761.891.524	663.709.706
	761.891.524	**673.311.308**

5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả dự án Vũng Tàu – Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Đĩa Óc Nova	8.250.000.000	8.250.000.000
Phải trả dự án 31 Cao Thắng – Công ty TNHH XNK Viễn Đông	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải trả hoàn vốn – Sae Young	3.301.953.007	3.301.953.007
Phải trả ngắn hạn khác	117.023.256	259.674.005
	14.168.976.263	**14.311.627.012**

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	1.155.000.000	135.000.000
	1.155.000.000	**135.000.000**

5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
• Ngân hàng BIDV	430.000.000	430.000.000	300.000.000	300.000.000
• Công ty cổ phần Nova Festival	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.430.000.000	**5.430.000.000**	**5.300.000.000**	**5.300.000.000**

Vay ngắn hạn – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 363/2018/4863458/HĐTD ngày 11/05/2018.

Hạn mức tín dụng:	1.200.000.000 VND.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại.
Thời hạn vay:	Theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.
Lãi suất vay:	7,00%/năm.
Tài sản bảo đảm:	Xe ô tô Toyota Corolla biển số 52V-6638. Sổ tiết kiệm số 110/2018/5378931/HĐTG số tiền 200.000.000 VND.

Vay ngắn hạn – Công ty cổ phần Nova Festival

Hợp đồng vay ngày 04/02/2016.

Số tiền vay:	5.000.000.000 VND.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay:	12 tháng.
Lãi suất vay:	0,00%/năm.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Tại ngày 31/03/2019 VND
Vay ngắn hạn				
• Ngân hàng BIDV	300.000.000	3.344.716.462	(3.214.716.462)	430.000.000
• Công ty cổ phần Nova Festival	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	5.300.000.000	**3.344.716.462**	**(3.214.716.462)**	**5.430.000.000**

5.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
• Bà Nguyễn Hồng Vân	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
• Ông Bùi Quang Minh	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
• Bà Bùi Thị Chuyền	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
• Bà Nguyễn Hồng Vân	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
	3.950.000.000	**3.950.000.000**	**3.950.000.000**	**3.950.000.000**

Vay dài hạn – cá nhân

Cá nhân cho vay:	**Nguyễn Hồng Vân**	**Bùi Quang Minh**	**Bùi Thị Chuyền**	**Nguyễn Hồng Vân**
Hợp đồng vay:	Số 10/HĐVV-16 ngày 03/06/2016	11/HĐVV-16 ngày 28/07/2016	Số 08/HĐVV-16 ngày 01/05/2016	01/HĐVV-17 ngày 20/01/2017
Số tiền vay (VND)	400.000.000	1.300.000.000	1.650.000.000	600.000.000
Thời hạn vay:	Từ 03/06/2016 đến khi hoàn trả gốc vay	Từ 28/07/2016 đến khi hoàn trả gốc vay	Từ 01/05/2016 đến khi hoàn trả gốc vay	Từ 20/01/2017 đến khi hoàn trả gốc vay
Lãi suất:	0,60%/tháng	0,60%/tháng	0,60%/tháng	0,60%/tháng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Tại ngày 31/03/2019 VND
Vay dài hạn – cá nhân	3.950.000.000	-	-	3.950.000.000
	3.950.000.000	**-**	**-**	**3.950.000.000**

5.15 Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	20.475.128.894	(7.936.386.143)	12.538.742.751
Lỗ trong năm	-	(970.233.470)	(970.233.470)
Nộp kinh phí về TWD	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Điều chỉnh lợi nhuận trong năm	-	(341.191.103)	(341.191.103)
Số dư tại ngày 31/12/2018	**20.475.128.894**	**(9.647.810.716)**	**10.827.318.178**
Số dư tại ngày 01/01/2019	20.475.128.894	(9.647.810.716)	10.827.318.178
Lỗ trong năm	-	(1.635.397.966)	(1.635.397.966)
Số dư tại ngày 31/03/2019	**20.475.128.894**	**(11.283.208.682)**	**9.191.920.212**

5.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0301442026 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

Vốn điều lệ	20.502.632.959 đồng (Hai mươi tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi chín đồng).
Chủ sở hữu	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Doanh thu – Dịch vụ lữ hành	12.926.952.721	21.876.011.768
Doanh thu – Dịch vụ khách sạn	206.672.909	1.578.019.632
	13.133.625.630	**23.454.031.400**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(85.223.179)
Doanh thu thuần	**13.133.625.630**	**23.368.808.221**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Giá vốn – Dịch vụ lữ hành	12.092.045.180	20.457.157.548
Giá vốn – Dịch vụ khách sạn	169.757.922	754.577.515
	12.261.803.102	**21.211.735.063**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.721.818	1.834.656
	1.721.818	**1.834.656**

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Chi phí lãi vay	89.986.417	87.495.992
	89.986.417	**87.495.992**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Chi phí nhân viên	988.698.695	921.612.928
Chi phí thuê văn phòng	766.363.636	668.181.819
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	642.355.430	680.491.489
	2.397.417.761	**2.270.286.236**

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Thu hoàn tiền tour	3.058.550	1.180.000
Thanh lý công cụ dụng cụ	300.000	18.610.000
	3.358.550	**19.790.000**

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Điều chỉnh tiền gửi ngân hàng	24.287.884	-
Khác	608.800	-
	24.896.684	**-**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Chi phí nhân công	988.698.695	921.612.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.733.326	128.900.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.674.297.454	21.657.704.185
Chi phí khác bằng tiền	871.491.388	773.804.173
	14.659.220.863	**23.482.021.299**

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đang tiến hành rà soát đối chiếu với cơ quan thuế về nghĩa vụ thuế để xác định các khoản thuế chậm nộp.

S.Đ.K.K.D: 4104000056-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THANH NIÊN VIỆT NAM
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ HIẾU NHI	VÕ TƯỜNG PHÚC	NGUYỄN TẤN HÒA
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2019